

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

(Dự thảo)

NGHỊ ĐỊNH

quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung) số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 05/2026/UBTVQH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội trên môi trường số; sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam liên quan đến các chính sách an sinh xã hội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội* là cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung, lưu trữ thông tin tổng hợp, tham chiếu và chia sẻ về các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội; được hình thành trên cơ sở kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; sử dụng Số định danh cá nhân làm khóa kết nối thống nhất; phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, cung cấp dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội trên môi trường điện tử."

2. *Cơ sở dữ liệu thành phần* là cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các bộ, ngành quản lý, chứa dữ liệu về đối tượng, chính sách an sinh xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao, thực hiện kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu về CSDLQG về ASXH.

3. *Đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội* là công dân Việt Nam (và người nước ngoài cư trú, làm việc hợp pháp tại Việt Nam thuộc trường hợp pháp luật quy định) đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn do pháp luật quy định để được Nhà nước và xã hội bảo đảm, hỗ trợ về thu nhập, y tế, việc làm, giáo dục, nhà ở và các dịch vụ xã hội cơ bản nhằm khắc phục rủi ro, giảm thiểu yếu thế, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống.

4. *Đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội thường xuyên* là cá nhân hoặc hộ gia đình thuộc nhóm yếu thế, mất hoặc suy giảm khả năng lao động, hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn kéo dài, được Nhà nước chi trả trợ cấp, hỗ trợ hoặc cung cấp dịch vụ an sinh định kỳ (hàng tháng, hàng quý hoặc hàng năm) nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu ổn định.

5. *Đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội một lần* là cá nhân hoặc hộ gia đình đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để nhận một khoản trợ cấp, hỗ trợ hoặc chính sách ưu đãi bằng tiền hoặc tài sản/dịch vụ trọn gói duy nhất trong một lần giải quyết, phát sinh do sự kiện pháp lý hoặc mốc thời gian/sự kiện cuộc đời nhất định.

6. *Đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội đột xuất* là cá nhân hoặc hộ gia đình lâm vào tình trạng khó khăn, rủi ro nghiêm trọng do các sự kiện bất ngờ, bất khả kháng (như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn lao động/giao thông nghiêm trọng, sự cố môi trường, tử vong đột ngột...) không thể tự khắc phục được và cần sự can thiệp, trợ giúp khẩn cấp, kịp thời từ Nhà nước và cộng đồng.

7. *Hồ sơ an sinh xã hội* là tập hợp thông tin, dữ liệu về một đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trong CSDLQG về ASXH, được gắn mã hồ sơ an sinh xã hội duy nhất, bao gồm các nhóm dữ liệu về thông tin cơ bản của đối tượng, thân nhân, thông tin hưởng chính sách, thông tin chi trả và thông tin trợ cấp khác.

8. *Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt* là việc cơ quan nhà nước, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách an sinh xã hội sử dụng các phương thức thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt để chuyển trực tiếp các khoản trợ cấp, phụ cấp, hỗ trợ tài chính (thường xuyên, đột xuất hoặc một lần) đến tài khoản của người thụ hưởng hoặc người được ủy quyền hợp pháp, thay cho phương pháp chi trả trực tiếp bằng tiền mặt truyền thống.

9. *Tài khoản hưởng chính sách an sinh xã hội* là tài khoản thanh toán hoặc tài khoản dịch vụ tài chính điện tử do đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội (hoặc người đại diện/ủy quyền hợp pháp) đứng tên chủ tài khoản, đã được định danh, xác thực và liên kết thống nhất với Mã số định danh cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, dùng để tiếp nhận trực tiếp các khoản trợ cấp, phụ cấp, hỗ trợ tài chính từ Ngân sách nhà nước và các quỹ an sinh xã hội.

10. *Cổng thông tin về an sinh xã hội* là điểm truy cập duy nhất và tập trung của cơ quan quản lý nhà nước trên môi trường mạng, thực hiện chức năng cung cấp, công khai thông tin chính thức, dữ liệu số, tra cứu chế độ chính sách và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực an sinh xã hội; đồng thời đóng vai trò là giao diện kết nối, tích hợp các tiện ích và dịch vụ an sinh xã hội cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác CSDLQG về an sinh xã hội

1. Phân định rõ phạm vi, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

2. Bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Việc xây dựng CSDLQG về ASXH được thực hiện trên cơ sở kế thừa, khai thác dữ liệu con người từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh, xác thực điện tử; sử dụng số định danh cá nhân làm khóa định danh thống nhất đối với tất cả các đối tượng an sinh xã hội; không thu thập lại các thông tin công dân đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Dữ liệu được rà soát, cập nhật, quản lý bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác, thống nhất, đồng bộ và đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu chặt chẽ, an toàn, ổn định, thông suốt; việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện theo phân quyền, đúng mục đích, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm lấy người dân làm trung tâm, tạo điều kiện để người dân theo dõi, giám sát quá trình xử lý vụ việc của mình trên môi trường số.

7. Việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, có khả năng truy xuất nguồn gốc, lịch sử cập nhật và chủ thể thực hiện, có thể

kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

8. Bảo đảm tự động hóa, số hóa toàn trình quản lý, xử lý dữ liệu, hạn chế tối đa việc xử lý thủ công.

Điều 5. Quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội

1. Chính phủ là chủ sở hữu và thống nhất quản lý về CSDLQG về ASXH.
2. Bộ Nội vụ là cơ quan chủ quản CSDLQG về ASXH; chủ trì xây dựng, quản trị và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, hệ thống thông tin CSDLQG về ASXH; ban hành quy định quản lý, kết nối, sử dụng dịch vụ và thúc đẩy phát triển, sử dụng các dịch vụ từ CSDLQG về ASXH.
3. Dữ liệu trong CSDLQG về ASXH được cơ quan chủ quản thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hằng năm về việc vận hành, triển khai, khai thác và chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phần của các bộ, ngành.

Điều 6. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí xây dựng, nâng cấp, duy trì, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và các nguồn huy động hợp pháp khác.

CHƯƠNG II CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ AN SINH XÃ HỘI

Mục 1 THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ AN SINH XÃ HỘI

Điều 7. Các cơ sở dữ liệu thành phần

Dữ liệu trong CSDLQG về ASXH được hình thành từ các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

1. CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công;
2. CSDL đối tượng trợ giúp xã hội;
3. CSDL trẻ em;
4. CSDL hộ nghèo và cận nghèo;
5. CSDL giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp;
6. CSDL người cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy;
7. CSDL cơ sở trợ giúp xã hội;
8. Các cơ sở dữ liệu khác có liên quan theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Các cơ sở dữ liệu kết nối với CSDLQG về an sinh xã hội

Ngoài các CSDL chuyên ngành quy định tại Điều 6 Nghị định này, CSDLQG an sinh xã hội kết nối với các CSDL sau đây để hình thành hệ thống thông tin an sinh xã hội

1. CSDLQG về bảo hiểm, bao gồm thông tin có liên quan về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.
2. Các CSDL có liên quan của Ngân hàng Nhà nước để cập nhật thông tin

về tài khoản hưởng chính sách an sinh xã hội và thụ hưởng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội.

3. Các CSDL có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cập nhật thông tin về hỗ trợ học sinh, sinh viên được hưởng chính sách an sinh xã hội.

4. Các CSDL có liên quan của Bộ Xây dựng để cập nhật thông tin về hưởng ưu đãi nhà ở xã hội.

5. Các CSDL có liên quan của Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam để cập nhật thông tin từ các hoạt động, các chương trình từ thiện của các tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Cấu trúc thông tin trong CSDLQG về an sinh xã hội

Cấu trúc dữ liệu của CSDLQG về an sinh xã hội được tổ chức thành 05 nhóm thông tin cốt lõi, bao gồm:

1. Thông tin dùng chung của đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội:
 - a) Thông tin định danh cá nhân: Số căn cước công dân, Họ và tên, Giới tính, Ngày tháng năm sinh, Tôn giáo, Dân tộc, Nguyên quán, Quê quán, Nơi thường trú, Nơi ở hiện tại, Số điện thoại, Email;
 - b) Trạng thái hồ sơ và thông tin tử vong;
2. Thông tin thân nhân của đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội:
 - a) Số căn cước công dân, Họ và tên, Giới tính, Ngày tháng năm sinh của thân nhân;
 - b) Mối quan hệ với đối tượng hưởng an sinh xã hội (theo danh mục quy định).
3. Thông tin hưởng chính sách an sinh xã hội:
 - a) Nhóm đối tượng và Chi tiết đối tượng hưởng theo các quy định pháp luật chuyên ngành (Người có công, Hộ nghèo/cận nghèo, Trẻ em, Bảo trợ xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Người cai nghiện ma túy...);
 - b) Quyết định hưởng: Số quyết định, Ngày quyết định, Nơi cấp quyết định;
 - c) Chế độ hưởng: Loại hưởng (thường xuyên hàng tháng, 1 lần, đột xuất...), Số tiền trợ cấp, Trạng thái hưởng, Thời gian hưởng (từ ngày), Lý do dừng hưởng.
4. Thông tin chi trả chính sách an sinh xã hội:
 - a) Kỳ chi trả, Ngày chi trả, Hình thức chi trả (tiền mặt, qua tài khoản...);
 - b) Thông tin người nhận chi trả: Họ tên người nhận, Số CCCD người nhận;
 - c) Thông tin tài khoản hưởng an sinh xã hội: Số tài khoản, Tên tài khoản, Tên ngân hàng/Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;
 - d) Dòng tiền chi trả: Số tiền hưởng trợ cấp tháng hiện tại, Số tiền truy lĩnh, Số tiền tháng trước, Tổng tiền được lĩnh của kỳ, Trạng thái chi trả.
5. Thông tin các chính sách trợ cấp, ưu đãi khác:
 - a) Thông tin trợ cấp ưu đãi việc làm, ưu đãi giáo dục, bảo hiểm y tế (TCBH YT);
 - b) Thông tin điều dưỡng phục hồi sức khỏe, trợ cấp nhà ở, miễn giảm thuế;

c) Thông tin trợ cấp dụng cụ chỉnh hình, ưu đãi vay vốn, miễn giảm tiền sử dụng đất.

Điều 10. Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội

Hệ thống thông tin CSDLQG về ASXH bao gồm các thành phần sau:

1. Cổng thông tin an sinh xã hội phục vụ người dân, thực hiện chức năng giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân; cung cấp thông tin về chính sách, đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội; tích hợp kết nối hệ thống thông tin thống kê về an sinh xã hội của các bộ, ngành liên quan;
2. Cơ sở dữ liệu lõi về an sinh xã hội, chứa các trường thông tin cơ bản của các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội và các module khai thác, chia sẻ dữ liệu;
3. Trang khai thác dữ liệu an sinh xã hội và phân hệ quản trị dùng chung, phục vụ công tác quản lý, khai thác dữ liệu của cơ quan nhà nước;
4. Thành phần kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thông qua Hệ thống định danh và xác thực điện tử VNeID), Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xã hội, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác.
5. Các phân hệ chức năng nghiệp vụ: quản trị dùng chung; tích hợp và chia sẻ dữ liệu; công tiếp nhận và khai thác dữ liệu cho cán bộ; quản lý nghiệp vụ chuyên ngành; quản lý xử lý dữ liệu tiếp nhận, dự báo; quản lý tích hợp.
6. Các phân hệ phần mềm khai thác, phân tích thông tin từ các cơ sở dữ liệu có liên kết với CSDLQG về an sinh xã hội.

Mục 2

XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ CSDLQG VỀ AN SINH XÃ HỘI

Điều 11. Nguồn thu thập, cập nhật thông tin

Thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội được hình thành từ các nguồn thông tin, cơ sở dữ liệu sau đây:

1. Từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư: Trích xuất, đồng bộ tự động các trường dữ liệu dùng chung về định danh công dân (Số căn cước, Họ tên, Ngày sinh, Giới tính, Dân tộc, Tôn giáo, Nơi thường trú, Nơi ở hiện tại, Trạng thái nhân khẩu).
2. Từ các Cơ sở dữ liệu thành phần và Hệ thống thông tin nghiệp vụ:
 - a) Đồng bộ dữ liệu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ CSDLQG về Bảo hiểm;
 - b) Đồng bộ dữ liệu Người có công, Bảo trợ xã hội, Trẻ em, Hộ nghèo/cận nghèo, Người cai nghiện ma túy từ CSDL chuyên ngành do Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây) và các Bộ, ngành quản lý;
 - c) Đồng bộ thông tin tài khoản chi trả từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, trung gian thanh toán và Ngân hàng Chính sách xã hội.
3. Từ kê khai trực tiếp của công dân và rà soát tại cơ sở:

a) Kê khai, cập nhật trực tiếp qua Cổng thông tin về an sinh xã hội hoặc Ứng dụng Định danh quốc gia (VNeID);

b) Kết quả rà soát, điều tra định kỳ/đột xuất về hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và người có công do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Từ các CSDL có kết nối với CSDLQG về an sinh xã hội quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 12. Yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu thành phần

Cơ sở dữ liệu thành phần khi xây dựng, phát triển phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

1. Có khả năng kết nối, đồng bộ dữ liệu vào CSDLQG về ASXH theo thời gian thực hoặc theo yêu cầu, bảo đảm dữ liệu liên tục được cập nhật.

2. Tuân thủ chuẩn dữ liệu đồng bộ, tài liệu API do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Bảo đảm dữ liệu đạt tiêu chí đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung.

4. Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Tuân thủ danh mục mã dùng chung trong chuẩn hóa dữ liệu theo quy định và các danh mục tiêu chuẩn khác về chuyển đổi số.

Điều 13. Thu thập, chuẩn hóa và nhập dữ liệu ban đầu

1. Chuẩn hóa dữ liệu lịch sử: Cơ quan quản lý nhà nước về an sinh xã hội các cấp thực hiện rà soát, làm sạch, chuẩn hóa các tập dữ liệu an sinh xã hội đang lưu trữ dạng giấy hoặc trong các phần mềm rời rạc trước khi tích hợp.

2. Quy trình nhập dữ liệu ban đầu:

a) Dữ liệu phải được đối soát 100% với Số căn cước công dân/Mã định danh cá nhân trên CSDLQG về Dân cư.

b) Khởi tạo Mã hồ sơ ASXH duy nhất cho từng đối tượng thụ hưởng trên CSDLQG về an sinh xã hội.

3. Kiểm tra và xác thực:

a) Dữ liệu sau khi nhập phải qua quy trình kiểm thử cấu trúc (đúng kiểu dữ liệu, kích thước tối đa quy định tại Phụ lục Cấu trúc dữ liệu).

b) Thủ trưởng cơ quan chi trả/quản lý đối tượng ở địa phương chịu trách nhiệm phê duyệt tính chính xác của dữ liệu ban đầu trước khi đồng bộ chính thức vào hệ thống.

Điều 14. Cập nhật, hiệu chỉnh sai lệch thông tin trong CSDLQG về an sinh xã hội

1. Cập nhật biến động:

Thông tin trong CSDLQG về an sinh xã hội được cập nhật khi:

a) Có thay đổi về thông tin nhân thân (chuyển nơi ở, qua đời...): Hệ thống tự động cập nhật từ CSDLQG về Dân cư.

b) Phát sinh biến động về chính sách (tăng/giảm mức trợ cấp, tạm dừng,

chấm dứt hưởng, thay đổi loại hưởng từ 1 lần sang thường xuyên hoặc ngược lại): Cơ quan ban hành quyết định có trách nhiệm cập nhật dữ liệu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

c) Có thay đổi về Tài khoản hưởng an sinh xã hội (thay đổi số tài khoản, tên ngân hàng nhận chi trả): UBND cấp xã hoặc cơ quan chi trả cập nhật ngay lên hệ thống sau khi tiếp nhận xác nhận thay đổi của người dân.

2. Hiệu chỉnh sai lệch thông tin:

a) Trường hợp phát sinh sai lệch thông tin giữa dữ liệu an sinh xã hội và thực tế, công dân có quyền gửi đề nghị điều chỉnh qua Cổng thông tin an sinh xã hội hoặc trực tiếp tại UBND cấp xã.

b) Cơ quan quản lý dữ liệu chuyên ngành có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và thực hiện hiệu chỉnh sai lệch thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc, đồng thời lưu vết (log) lịch sử chỉnh sửa trên hệ thống.

Điều 15. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDLQG khác

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về ASXH với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

2. Phương thức kết nối: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về an sinh xã hội với các CSDLQG và CSDL chuyên ngành khác được thực hiện thông qua Trục liên thông chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP/VDSS) và Hệ thống định danh, xác thực điện tử.

3. Trách nhiệm bảo đảm kết nối: Các cơ quan chủ quản CSDL kết nối có trách nhiệm duy trì hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm kết nối liên tục, an toàn, an ninh thông tin 24/7.

Mục 3

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CSDLQG VỀ AN SINH XÃ HỘI

Điều 16. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội

1. Chủ thể khai thác và sử dụng CSDLQG về ASXH:

a) Bộ Nội vụ khai thác, sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, cung cấp các dịch vụ về an sinh xã hội như tổng hợp chi trả tập trung;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan khai thác, sử dụng thông tin, số liệu của CSDLQG về ASXH phục vụ công tác quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Người dân, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác thông tin tổng hợp về chính sách, đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội và thông tin thụ hưởng của chính mình thông qua Cổng thông tin về an sinh xã hội cho người dân.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm áp dụng các biện pháp, giải pháp kỹ thuật để bảo đảm việc khai thác, sử dụng dữ liệu

an toàn, hiệu quả, đúng mục đích, phạm vi.

Điều 17. Phương thức khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội

Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội được khai thác qua các phương thức sau:

1. Kết nối các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin liên quan của cơ quan, tổ chức với CSDLQG về ASXH thông qua các hệ thống trung gian theo quy định của pháp luật.
2. Qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).
3. Tra cứu, sử dụng dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu qua Cổng thông tin về an sinh xã hội cho người dân.
4. Thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.
5. Gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin đến cơ quan chủ quản CSDLQG về ASXH.

Điều 18. Quyền khai thác, sử dụng thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp được khai thác, sử dụng dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các mục đích:

- a) Xây dựng, hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, người có công, việc làm và bảo hiểm xã hội;
- b) Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, lập kế hoạch ngân sách và kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội;
- c) Thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, xây dựng bộ chỉ số an sinh xã hội quốc gia và các báo cáo chuyên đề.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội: Cơ quan Bảo hiểm xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách, chi trả an sinh xã hội và các cơ quan chuyên môn về an sinh xã hội các cấp được khai thác dữ liệu để:

- a) Tiếp nhận, kiểm tra, rà soát, đối soát và xét duyệt hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách an sinh xã hội theo quy định;
- b) Quản lý danh sách đối tượng thụ hưởng, theo dõi biến động, thực hiện chi trả trợ cấp, phụ cấp và các mức hỗ trợ (bao gồm chi trả không dùng tiền mặt);
- c) Kiểm tra, đối soát tránh trùng lặp đối tượng hưởng hoặc trùng lặp các chế độ, chính sách ưu đãi. b) Các tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán, Bưu điện được ủy quyền chi trả được khai thác các trường thông tin cần thiết về tài khoản an sinh xã hội, số tiền và kỳ chi trả để thực hiện nhiệm vụ chi trả không dùng tiền mặt hoặc trực tiếp cho người thụ hưởng theo quy định.

3. Cá nhân (Người thụ hưởng):

- a) Công dân có quyền khai thác, xem, tra cứu toàn bộ thông tin an sinh xã

hội của chính mình và của người thuộc trách nhiệm giám hộ, đại diện hợp pháp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội thông qua Cổng thông tin về an sinh xã hội, Ứng dụng Định danh quốc gia (VNeID);

b) Các thông tin được khai thác bao gồm: Mã hồ sơ ASXH, lịch sử thụ hưởng các chế độ, số tiền trợ cấp, trạng thái chi trả, thông tin tài khoản an sinh xã hội và các chính sách ưu đãi khác;

c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trích xuất, cấp bản sao hoặc xác nhận thông tin an sinh xã hội của bản thân để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện quyền kiến nghị, phản ánh, yêu cầu điều chỉnh, chỉnh sửa khi phát sinh sai lệch thông tin cá nhân trên hệ thống.

4. Tổ chức, cá nhân khác:

a) Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức từ thiện, tài trợ và các tổ chức, cá nhân khác được khai thác dữ liệu tổng hợp, dữ liệu thống kê không chứa thông tin định danh cá nhân (dữ liệu mở) trên Cổng thông tin về an sinh xã hội để phục vụ nghiên cứu, giám sát cộng đồng và các hoạt động trợ giúp xã hội;

b) Trường hợp khai thác thông tin chi tiết của cá nhân không thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu đó theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Mục 4

ĐẢM BẢO HẠ TẦNG VÀ AN NINH MẠNG

Điều 19. Đảm bảo hạ tầng

1. CSDLQG về an sinh xã hội được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và tại Trung tâm dữ liệu của Bộ Nội vụ

2. Bộ Nội vụ có trách nhiệm xây dựng, vận hành hạ tầng Trung tâm dữ liệu của Bộ phục vụ CSDLQG về ASXH, kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Bộ Công an có trách nhiệm đảm bảo hạ tầng để vận hành CSDLQG về an sinh xã hội theo quy định.

Điều 20. Đảm bảo an ninh mạng

1. CSDL quốc gia về an sinh xã hội là hệ thống thông tin mức độ an toàn cấp độ 3.

2. Bộ Nội vụ có trách nhiệm đầu tư, triển khai các giải pháp, biện pháp đảm bảo an ninh mạng đối với CSDLQG về an sinh xã hội tại Trung tâm dữ liệu của Bộ theo quy định.

3. Bộ Công an có trách nhiệm đảm bảo an ninh mạng đối với CSDLQG về an sinh xã hội theo quy định; phối hợp với Bộ Nội vụ để kiểm tra, đánh giá, khắc phục các lỗ hổng về an ninh mạng đối với CSDLQG về an sinh xã hội và các CSDL có kết nối với CSDLQG về an sinh xã hội.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Nghị định này.
2. Chủ trì xây dựng, quản trị và vận hành hạ tầng, hệ thống thông tin CSDLQG về ASXH; ban hành chính sách quản lý, kết nối, sử dụng dịch vụ.
3. Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung, chuẩn kết nối và chia sẻ dữ liệu.
4. Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng CSDLQG về ASXH.
5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.
6. Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực công nghệ số phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống.
7. Chủ trì tổ chức thiết kế, xây dựng phần mềm; trực tiếp quản trị, vận hành phần mềm; theo dõi tiến độ triển khai, xử lý các tình huống phát sinh; tổ chức hướng dẫn sử dụng phần mềm cho các đơn vị quản lý nhà nước thuộc các bộ, ngành có liên quan và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố.
8. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ triển khai sử dụng hệ thống; bảo đảm kinh phí cho duy trì, vận hành hệ thống hằng năm.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ Bộ Nội vụ kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia; vận hành Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu bảo đảm thông suốt.
2. Chủ trì bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin cho hệ thống hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu quốc gia nơi lưu trữ CSDLQG về ASXH.
3. Phối hợp với Bộ Nội vụ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh, xác thực điện tử (VNeID) phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công về an sinh xã hội.
4. Chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát việc tuân thủ các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.
5. Phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định để bảo đảm kết nối với VNeID và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Y tế

Chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật CSDL đối tượng trợ giúp xã hội, CSDL trẻ em, CSDL cơ sở trợ giúp xã hội; phối hợp với Bộ Nội vụ trong kết nối, chia sẻ, chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu về CSDLQG về ASXH.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật CSDL hộ nghèo và cận nghèo; phối hợp

với Bộ Nội vụ, Bộ Công an trong kết nối, đối soát, làm sạch, đồng bộ dữ liệu về CSDLQG về ASXH và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Điều 25. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ

Góp ý phân loại dữ liệu theo cấp độ mật; chủ trì triển khai giải pháp mã hóa, ký số; kiểm tra an toàn hệ thống trước khi vận hành chính thức; phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu trong quá trình lưu trữ, truyền đưa.

Điều 26. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nội vụ trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Nghị định này.

2. Xây dựng, quản lý và cập nhật các cơ sở dữ liệu có liên quan phù hợp với quy định về chuẩn dữ liệu, bảo mật dữ liệu; chia sẻ với CSDLQG về ASXH; chịu trách nhiệm về tính 'đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung' của thông tin, dữ liệu được cung cấp, chia sẻ.

3. Hướng dẫn các địa phương xây dựng, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo lĩnh vực quản lý nhà nước.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ,;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cổng TTĐT Bộ Nội vụ (để đăng tải);
- Lưu: VT.

TM. CHÍNH PHỦ